TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7- 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Bà Lâm Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 105/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Kim X, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 10,, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Lương Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: 365, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trương Thị Kim X trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào ngày 28/12/2007 al, chị Trương Thị Kim X và anh Lương Văn T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Đến ngày 08/12/2008,

đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 214, quyển số 1. Trước khi đám cưới, chị X và anh T có thời gian tìm hiểu nhau trước mới đi đến hôn nhân. Sau đám cưới vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, do công việc làm nông nên vợ chồng sống chủ yếu ở ngoài đồng (nhà cất tạm) ở ấp H, xã B, huyện H, tỉnh K. Đến năm 2014, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẩn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên đi chơi với bạn bè, không quan tâm chăm sóc vợ con, thậm chí anh T còn có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Chị X đã nhiều lần khuyên giải anh T nhưng anh T không quan tâm, thậm chí còn đánh đập, chửi bới, xúc phạm đến danh dự và uy tín của chị X. Đến năm 2020, chị X và các con đã về nhà cha mẹ ruột của chị X sinh sống cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh T. Chị X nhất quyết yêu cầu ly hôn với anh T không đồng ý đoàn tụ.

2. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung tên Lương Minh NH, sinh ngày 28/12/2008, Lương MA, sinh ngày 24/10/2011 và Lương TA, sinh ngày 01/10/2014. Con hiện nay đang do chị X nuôi dưỡng, nay ly hôn chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và chị X khẳng định đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản: Không có nên không yêu cầu giải quyết;

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Lương Văn T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

1. Về hôn nhân: Anh Lương Văn T và chị Trương Thị Kim X tổ chức đám cưới vào năm 2007. Đến năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 214, quyển số 1 ngày 08 tháng 12 năm 2008. Trước khi đám cưới vợ chồng cũng có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 năm rồi mới cưới. Sau đám cưới vợ chồng sống chung trong gia đình của anh T. Quá trình sống chung vợ chồng cũng có lúc cải vã nhau vài câu chứ không có mâu thuẩn gì. Đến năm 2020, thì chị X đã về bên nhà cha mẹ ruột ở huyện C sinh sống anh T cũng có tới lui thăm nom nhưng đến cuối năm 2021 do anh T bị Covid nên tết không về nhà để thăm vợ con được nên chị X giận và làm đơn xin ly hôn chứ anh T không có người phụ nữ khác ở bên ngoài như chị X trình bày. Nay anh T còn thương vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con nên người. Tuy nhiên, do chị X nhất quyết yêu cầu ly hôn không đồng ý đoàn tụ nữa thì anh T đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị X.

2. Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung tên Lương Minh NH, sinh ngày 28/12/2008, Lương MA, sinh ngày 24/10/2011 và Lương TA, sinh ngày 01/10/2014, con hiện nay đang do chị X nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh T đồng ý giao 02 con chung tên Lương Minh NH, sinh ngày 28/12/2008 và Lương TA, sinh ngày 01/10/2014 cho chị Trương Thị Kim X được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung tên Lương MA, sinh ngày 24/10/2011 thì anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách đương sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Kim X và anh Lương Văn T tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa chị X và anh T là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị X và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Nay chị X kiên quyết ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mụcđích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị X là có căn cứ.

Về con chung: Anh T và chị X đều thống nhất trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Lương Minh NH, sinh ngày 28/12/2008, Lương MA, sinh ngày 24/10/2011 và Lương TA, sinh ngày 01/10/2014, con hiện nay đang do chị X nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh T đồng ý giao 02 con chung tên Lương Minh NH, sinh ngày 28/12/2008 và Lương TA, sinh ngày 01/10/2014 cho chị Trương Thị Kim X được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung tên Lương MA, sinh ngày 24/10/2011 thì anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy 03 con chung hiện đang do chị X nuôi dưỡng và các cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị X. Để các cháu có điều kiện phát triển tốt nên việc giao 03 con chung cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung do chị X không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chị Trương Thị Kim X được ly hôn với anh Lương Văn T. Về con chung: Giao 03 con chung cho chị X được tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con do chị X không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tà án giải quyết. nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát

biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án chị X yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

[2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình và bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã giao nộp đầy đủ, không cung cấp gì thêm và đã được Tòa án công khai đúng thủ tục. Qua hòa giải các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lương Văn T đến phiên toà lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Lương Văn T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Kim X và anh Lương Văn T tổ chức đám cưới từ năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, được Uỷ ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 214, quyển số 1 vào ngày 08/12/2008 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T là hợp pháp. Tại phiên toà ngày hôm nay chị X nhất quyết yêu cầu được ly hôn với anh T không đồng ý đoàn tụ. Còn anh T trong quá trình hoà giải anh T có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi con nhưng do chị X nhất quyết đòi ly hôn nên anh T đồng ý theo như yêu cầu của chị X. Toà án đã triệu tập anh T đến Toà án tham gia phiên toà đến lần thứ hai anh T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị X và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Kim X đối với anh Lương Văn T.

[3.2] Về nuôi con chung: Chị X và anh T đều thừa nhận quá trình sống chung vợ chồng 03 con chung tên Lương Minh NH, sinh ngày 28/12/2008, Lương MA, sinh ngày 24/10/2011 và Lương TA, sinh ngày 01/10/2014. Từ khi vợ chồng sống xa nhau con chung do chị X trực tiếp nuôi dưỡng, sau ly hôn chị X yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Còn anh T trong quá trình giải quyết vụ án đã đồng ý giao 02 con chung tên Lương Minh NH,

sinh ngày 28/12/2008 và Lương TA, sinh ngày 01/10/2014 cho chị X được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương MA, sinh ngày 24/10/2011.

Như vậy, chị X và anh T có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung và yêu cầu Toà án giải quyết. Việc giải quyết giao con cho cha hay mẹ nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là điều kiện về vật chất, các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất và tình thần của con. Xét thấy: Từ khi chị X và anh T sống xa nhau, con chung do chị X nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đã ổn định, chị X khẳng định có đủ điều kiện để nuôi dưỡng tốt cho cả 03 con. Anh T cũng không có chứng cứ gì chứng minh trong thời gian này chị X nuôi con không tốt. Anh T hiện nay đang làm ruộng ở ấp H, xã B, huyện H, tỉnh K sống chủ yếu ở ngoài đồng như vậy về chổ ở của anh T là không ổn định nên sẽ ảnh hưởng đến việc học hành, sinh hoạt của con. Mặt khác, 03 con chung tên Lương Minh NH, sinh ngày 28/12/2008, Lương MA, sinh ngày 24/10/2011 và Lương TA, sinh ngày 01/10/2014 đã sống chung với nhau từ nhỏ đến nay. Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Minh NH, cháu MA và cháu TA thì các cháu đều trình bày từ nhỏ đến nay sống với mẹ đã quen, còn cha thì lâu lâu mới về nhà một lần và mong muốn cả 03 anh chị em cùng sống với nhau nên các cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, việc để cho 03 cháu tiếp tục cùng sống chung với nhau cho có anh có em để phát triển tốt về mọi mặt, vì sự gắn bó của anh em trong gia đình là cần thiết ở lứa tuổi này.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, tránh làm xáo trộn môi trường sống cũng như ảnh hưởng đến tâm lý phát triển bình thường của trẻ sau này nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị X giao 03 con chung cho chị X được trực tiếp nuôi dưỡng mới là phù hợp.

[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Theo đó, khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con sẽ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà chị X trình bày chị X có đủ điều kiện để nuôi con nên chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con, khi cần thiết chị X và anh T đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.4] Về tài sản chung: Chị X và anh T đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Chị X và anh T đều thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Kim X tự nguyện chịu số T án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Kim X.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Kim X được ly hôn với anh Lương Văn T.

1.2. Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Lương Minh NH, sinh ngày 28/12/2008, Lương MA, sinh ngày 24/10/2011 và Lương TA, sinh ngày 01/10/2014 cho chị Trương Thị Kim X được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh Lương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Trương Thị Kim X cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và anh T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị X.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

1.4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

1.5. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Kim X phải chịu số T án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số T tạm ứng án

phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị X đã nộp theo biên lai số 0008606 ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chi cục T hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Kim X được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lương Văn T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- UBND xã B, huyện , tỉnh Đ;
(số 214 quyển số 1, ngày 08/12/2008
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Nội